TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Số: 389 /2017/QĐST -HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 478/2017/TLST/ HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Hồng H, sinh năm 1989;

Bị đơn: Anh Đào Hồng P, sinh năm 1986;

Đều trú tại: Tổ V, phường S, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 51,55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Hồng H và anh Đào Hồng P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Chị Ngô Hồng H và anh Đào Hồng P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2 Về con chung: Chị Ngô Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Yến A sinh ngày 02/4/2011 đến khi con trưởng thành (tròn đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh P có quyền đi lại thăm nom con chung.

Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2017 đến khi con trưởng thành (tròn đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh P còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Chị H tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả chị H 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005367 ngày 19/7/2017 của Chi cục thi hành án thành phố Thái Nguyên.

Anh P chịu án phí dân sự không có giá ngạch (cấp dưỡng nuôi con) số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thì hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAT TN;
- VKS ND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà